

CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ MÁY BAY VIỆT NAM
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**

1.0 * 14.5.0.0.0

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Thanh Hiền	Chủ tịch
Ông Trần Phương	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên
Ông Tony Hsun Cau-Fong	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Đinh Đức Thịnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hải Dương	Thành viên
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Duy Viễn	Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2016

Số: 35b /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2016, từ trang 04 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03 và Thuyết minh số 29 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu so sánh (số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) trên Bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu của năm nay.

10 -
TY
HUU H
TE
AM
P. 4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó tại ngày 09 tháng 3 năm 2015. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 02 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

A handwritten signature in black ink, appearing to be 'ĐH', written over a horizontal line.

Đỗ Hồng Dương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2393-2015-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: USD

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.202.480	50.326.410
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.270.459	3.785.293
1. Tiền	111		50.950	35.676
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.219.509	3.749.617
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		52.704.166	45.398.239
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	588.107	588.107
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(123.573)	(251.992)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.b	52.239.632	45.062.124
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.185.213	1.137.935
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		166.824	243
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.534	1.901
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.008.855	1.135.791
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		42.642	4.943
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	-	4.943
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		42.642	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		667.709.349	705.696.830
I. Tài sản cố định	220		659.666.149	698.738.234
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	487.118	74.527
- Nguyên giá	222		685.571	236.256
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(198.453)	(161.729)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	659.136.842	698.614.294
- Nguyên giá	225		790.087.219	790.087.219
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(130.950.377)	(91.472.925)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	42.189	49.413
- Nguyên giá	228		81.054	74.638
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(38.865)	(25.225)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.688.198	192.049
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.c	192.049	192.049
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6.b	1.496.149	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.355.002	6.766.547
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	6.190.300	6.766.547
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	164.702	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		723.911.829	756.023.240

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: USD

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		629.429.215	667.371.098
I. Nợ ngắn hạn	310		143.480.084	123.019.810
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		21.691	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.151.922	1.368.074
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	1.579.364	1.689.566
4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	14	3.621.466	3.621.467
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	77.391.551	58.798.988
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	58.696.799	57.517.417
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.291	24.298
II. Nợ dài hạn	330		485.949.131	544.351.288
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	19.056.532	19.057.891
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	466.892.599	525.270.237
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	-	23.160
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		94.482.614	88.652.142
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	94.482.614	88.652.142
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		64.159.932	64.159.932
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		64.159.932	64.159.932
2. Cổ phiếu quỹ	415		(844.095)	(844.095)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		693.485	496.882
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		60.309	60.309
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.412.983	24.779.114
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.914.544	4.998.143
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		19.498.439	19.780.971
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		723.911.829	756.023.240



Trần Thị Minh Tâm

Trần Thị Minh Tâm
Người lập biểu

Ngày 25 tháng 02 năm 2016

Phạm Thị Hương Giang

Phạm Thị Hương Giang
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	20	76.618.123	76.784.974
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		76.618.123	76.784.974
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	20	(53.023.530)	(53.624.013)
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		23.594.593	23.160.961
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	5.784.318	4.742.760
7. Chi phí tài chính	22	23	(3.236.263)	(1.790.687)
- Trong đó: Chi phí lãi vay			(1.531.844)	(668.507)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		(1.107.177)	(1.159.203)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		25.035.471	24.953.831
10. Thu nhập khác	31		11.907	459.655
11. Chi phí khác	32		(10.585)	(49.657)
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.322	409.998
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		25.036.793	25.363.829
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	(5.726.216)	(5.564.173)
15. Thu nhập/(Chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	24	187.862	(18.685)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		19.498.439	19.780.971
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	0,15	0,15

Handwritten signature

Trần Thị Minh Tâm
 Người lập biểu

Ngày 25 tháng 02 năm 2016

Phạm Thị Hương Giang
 Kế toán trưởng

Nguyễn Duy Viễn
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	25.036.793	25.363.829
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	39.527.816	39.508.366
Các khoản dự phòng	03	(128.419)	(81.452)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.172.075)	(120.051)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.178.475)	(3.309.564)
Chi phí lãi vay (bao gồm cả chi phí lãi vay đối với hoạt động thuê tài chính ghi nhận là Giá vốn cung cấp dịch vụ)	06	14.318.256	14.097.261
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	73.403.896	75.458.389
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(50.046)	2.795.651
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	21.261.069	26.258.128
Giảm chi phí trả trước	12	581.190	562.742
Tiền lãi vay đã trả	14	(14.452.579)	(14.065.547)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.132.634)	(5.675.796)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	75.610.896	85.333.567
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(433.097)	(68.481)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	49.644
3. Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(135.796.632)	(128.061.805)
4. Tiền thu hồi bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	126.298.996	98.654.811
5. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.311.066	23.988
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(6.619.667)	(29.401.843)

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(844.095)
2. Tiền thu từ đi vay	33	336.110	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.822.807)	(5.806.000)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(51.711.417)	(50.600.764)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.298.046)	(13.748.723)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(70.496.160)	(70.999.582)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(1.504.931)	(15.067.858)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.785.293	18.863.186
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(9.903)	(10.035)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	2.270.459	3.785.293

Trần Thị Minh Tâm
Người lập biểu

Ngày 25 tháng 02 năm 2016

Phạm Thị Hương Giang
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102384108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu vào ngày 08 tháng 10 năm 2007 và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 02 năm 2014.

Trụ sở đăng ký kinh doanh của Công ty đặt tại Tầng 14, Tháp A Vincom, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102384108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu vào ngày 08 tháng 10 năm 2007 là 30.727.866 USD (tương đương 640.000.000.000 VND, quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng công bố bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm chuyển đổi đồng tiền hạch toán). Vốn điều lệ của Công ty đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 64.159.932 USD.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 31 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 31 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là thuê và cho thuê lại máy bay, đầu tư và kinh doanh vận tải taxi hàng không, cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp, đặc thù quản lý máy bay, đầu tư tài chính và các dịch vụ khác có liên quan.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI****Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, và đầu tư tài chính dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả khác, và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán vốn được lập cho từng khoản đầu tư có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

110
C
TÁCH
DI
VI
NG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 như sau:

	<u>2015</u>
	Số năm
Máy móc, thiết bị	8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản thuê tài chính (máy bay) đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính là 20 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các chi phí trả trước liên quan đến dự án thuê tài chính máy bay bao gồm phí thu xếp vốn, phí cam kết, phí đại lý cơ sở và đại lý ủy thác, phí luật sư, phí đại lý thực hiện quy trình, phí bảo hiểm và các loại chi phí khác liên quan. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo thời hạn hiệu lực của hợp đồng thuê tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 200. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bắt đầu sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
Tiền mặt	6.290	7.542
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	44.660	28.134
Các khoản tương đương tiền (*)	2.219.509	3.749.617
	<u>2.270.459</u>	<u>3.785.293</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	USD	USD	USD	USD
Cổ phiếu				
Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB)	560.116	123.573	560.116	251.992
Trái phiếu				
Trái phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	27.991	-	27.991	-

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	USD	USD	USD	USD
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	52.239.632	52.239.632	45.062.124	45.062.124
Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.496.149	1.496.149	-	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trong đó, khoản tiền gửi cho mục đích đảm bảo các giao dịch tín dụng xuất khẩu có số dư là 11.535.049 USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Theo hợp đồng vay vốn thuộc dự án mua tàu bay Airbus A321-200, Công ty phải duy trì số dư tiền gửi bảo đảm tối thiểu bằng một kỳ trả nợ thuê tài chính.

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	USD	USD	USD	USD
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Đào tạo Bay Việt ("VFT")	192.049	-	192.049	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
Ngắn hạn		
- Lãi dự thu tiền gửi	985.680	1.118.194
- Lãi dự thu trái phiếu	1.676	1.753
- Phải thu khác	21.499	15.844
	<u>1.008.855</u>	<u>1.135.791</u>

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
a. Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ dưới 1 năm	-	125
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	4.818
	<u>-</u>	<u>4.943</u>
b. Dài hạn		
Chi phí trả trước dự án thuê tài chính máy bay	6.173.593	6.759.067
Chi phí trả trước dài hạn khác	16.707	7.480
	<u>6.190.300</u>	<u>6.766.547</u>

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Tổng cộng</u>
	USD	USD	USD	USD
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	-	136.352	99.904	236.256
Mua sắm mới	444.737	-	4.578	449.315
Tại ngày 31/12/2015	<u>444.737</u>	<u>136.352</u>	<u>104.482</u>	<u>685.571</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	-	68.049	93.680	161.729
Trích khấu hao trong năm	19.178	13.656	3.890	36.724
Tại ngày 31/12/2015	<u>19.178</u>	<u>81.705</u>	<u>97.570</u>	<u>198.453</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2015	<u>425.559</u>	<u>54.647</u>	<u>6.912</u>	<u>487.118</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>-</u>	<u>68.303</u>	<u>6.224</u>	<u>74.527</u>

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 167.775 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 115.695 USD).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, máy móc và thiết bị với giá trị còn lại là 425.559 USD đã được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ MÁY BAY VIỆT NAMTầng 14, Tháp A Vincom, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CHO THUÊ TÀI CHÍNH**

	<u>Máy bay</u> <u>USD</u>
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	<u>790.087.219</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>790.087.219</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	91.472.925
Trích khấu hao trong năm	<u>39.477.452</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>130.950.377</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	<u>659.136.842</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>698.614.294</u>

Tài sản cố định thuê tài chính bao gồm 10 máy bay Airbus A321-200 và 5 máy bay ATR72-500 được sử dụng cho các dịch vụ cho thuê hoạt động. Theo điều khoản cho thuê tài chính, Công ty có quyền mua lại các máy bay vào thời điểm kết thúc hợp đồng thuê tài chính với giá 10 USD mỗi máy bay.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm</u> <u>máy tính</u> <u>USD</u>	<u>TSCĐ vô hình</u> <u>khác</u> <u>USD</u>	<u>Tổng cộng</u> <u>USD</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	74.638	-	74.638
Tăng trong năm	1.915	4.501	6.416
Tại ngày 31/12/2015	<u>76.553</u>	<u>4.501</u>	<u>81.054</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	25.225	-	25.225
Trích khấu hao trong năm	12.907	733	13.640
Tại ngày 31/12/2015	<u>38.132</u>	<u>733</u>	<u>38.865</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	<u>38.421</u>	<u>3.768</u>	<u>42.189</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>49.413</u>	<u>-</u>	<u>49.413</u>

00.
 TỶ
 HỮU
 TT
 VAI
 TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ MÁY BAY VIỆT NAM

Tầng 14, Tháp A Vincom, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	Phát sinh trong năm			31/12/2015 USD
	31/12/2014 USD	Số phải nộp USD	Số đã nộp USD	
Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	6.246	3.352	9.598	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.352.237	5.924.055	5.132.634	2.143.658
Thuế thu nhập cá nhân	9.591	1.504.913	1.506.240	8.264
Cộng	1.368.074	7.432.320	6.648.472	2.151.922

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015 USD	31/12/2014 USD
Ngắn hạn		
Lãi vay dự trả, trong đó:	1.417.895	1.552.218
- Dự trả cho các hợp đồng hoán đổi (*)	144.607	176.255
- Dự trả cho các khoản vay và nghĩa vụ thuế tài chính	1.273.288	1.375.963
Phải trả lương bổ sung	117.329	112.790
Phải trả phí kiểm toán	5.586	10.292
Chi phí phải trả khác	38.554	14.266
	1.579.364	1.689.566

(*) Trong năm 2014, Công ty đã ký hai hợp đồng hoán đổi với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) với thời hạn 10 năm nhằm phòng vệ rủi ro lãi suất cho hai hợp đồng thuê tài chính máy bay Airbus A321-200. Hợp đồng sẽ được thanh toán theo quý dựa trên biến động của lãi suất LIBOR 3 tháng USD như sau:

Tình huống	Nghĩa vụ của BIDV	Nghĩa vụ của VALC
Lãi suất LIBOR 3 tháng USD không cao hơn 3,5%/năm	Thanh toán theo lãi suất LIBOR 3 tháng cộng (+) biên độ 1,45%/năm	Thanh toán lãi suất cố định 3,49%/năm cho một hợp đồng và 3,45%/năm cho hợp đồng còn lại
Lãi suất LIBOR 3 tháng USD cao hơn 3,5%/năm		Thanh toán theo lãi suất LIBOR 3 tháng USD trừ (-) 0,1%/năm

Hàng tháng, Công ty thực hiện đánh giá lại trạng thái của các hợp đồng hoán đổi và ghi nhận dự thu/dự trả tương ứng. Việc đánh giá lại được xác định dựa trên lãi suất LIBOR tại thời điểm thanh toán gần nhất.

14. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Theo điều khoản hợp đồng cho thuê hoạt động giữa Công ty và Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (“Vietnam Airlines”), Vietnam Airlines sẽ trả trước tiền thuê hoạt động cho Công ty hàng tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, doanh thu chưa thực hiện với số dư là 3.621.466 USD là khoản tiền đã nhận nhưng chưa phân bổ vào doanh thu cho thuê hoạt động tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ MÁY BAY VIỆT NAMTầng 14, Tháp A Vincom, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
a. Ngắn hạn		
Nhận tiền đóng quỹ bảo dưỡng từ bên thuê	77.221.466	58.735.317
Phải trả tiền phân chia doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh cho đối tác	149.877	38.578
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	19.551	15.802
Các khoản khác	657	9.291
	<u>77.391.551</u>	<u>58.798.988</u>
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	19.056.532	19.057.891
	<u>19.056.532</u>	<u>19.057.891</u>

16. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số dư đầu năm	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời	187.862	-
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(23.160)	-
Số dư cuối năm	<u>164.702</u>	<u>-</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Số dư đầu kỳ	23.160	4.475
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời	-	18.685
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(23.160)	-
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>23.160</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay dài hạn đến hạn trả	5.806.000	5.806.000	5.890.027	5.822.805	5.873.222	5.873.222	USD
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	51.711.417	51.711.417	52.823.577	51.711.417	52.823.577	52.823.577	USD
Cộng	57.517.417	57.517.417	58.713.604	57.534.222	58.696.799	58.696.799	USD

Vay dài hạn đến hạn trả là phần đến hạn trả của vay dài hạn trong vòng 12 tháng (xem thêm Thuyết minh 18.1).
 Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả là phần đến hạn trả của nợ thuê tài chính dài hạn trong vòng 12 tháng (xem thêm Thuyết minh 18.2).

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chỉ tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay dài hạn	56.783.988	56.783.988	336.110	5.822.949	51.297.149	51.297.149	USD
Nợ thuê tài chính dài hạn	526.003.666	526.003.666	-	51.711.417	474.292.249	474.292.249	USD
Cộng	582.787.654	582.787.654	336.110	57.534.366	525.589.398	525.589.398	USD

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

18.1 Vay dài hạn

Chi tiết vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Đơn vị: USD

Hợp đồng	31/12/2015	Số tiền đã giải		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
		ngân	gốc			
Hợp đồng vay BIDV số 1504/2010/BIDV-VALC/HỆTDDH	1.310.662	3.015.662		Trả gốc đều 155.000 USD/kỳ, mỗi kỳ 6 tháng. Trả lãi cùng ngày trả gốc	Lãi thả nổi bằng lãi tiết kiệm dân cư 12 tháng USD + 3%/năm, điều chỉnh 6 tháng 1 lần Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần	Duy trì số dư tiền gửi tại BIDV tối thiểu bằng 50% dư nợ trong thời hạn vay Lãi phát sinh từ đầu tư tiền gửi đồng tiền Dự án A321-200
Hợp đồng vay BIDV số 2704/2012/VALC-BIDV/HỆTDDH và 1312/2012/VALC-BIDV/HỆTDDH	49.667.326	64.497.154		Trả gốc đều 6 tháng 1 lần theo quy định tại hợp đồng tín dụng, trả lãi cùng ngày trả gốc		
Hợp đồng vay Ngân hàng Liên doanh Việt Nga ("VRB") số 01/2015/HỆTDD	319.161	336.110		Trả gốc đều 3 tháng 1 lần theo quy định tại hợp đồng tín dụng, trả lãi cùng ngày trả gốc	Lãi thả nổi bằng lãi tiết kiệm 12 tháng + 2.8%/năm, điều chỉnh 6 tháng 1 lần	Thiết bị bay mô phỏng của hãng ALSIM hình thành từ khoản vay này
Tổng cộng	51.297.149	67.848.926				

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Các khoản vay dài hạn	Trong vòng		Từ năm thứ ba đến năm thứ năm		Số phải trả	
	một năm	Trong năm thứ hai	Trong năm thứ hai	Sau năm năm	Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	sau 12 tháng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	5.873.222	5.873.222	17.363.410	22.187.295	5.873.222	45.423.927
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	5.806.000	5.806.000	17.418.000	27.753.988	5.806.000	50.977.988

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Số dư tại ngày 01/01/2014	64.159.932	-	60.309	340.908	19.025.122	83.586.271
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	19.780.971	19.780.971
Cổ phiếu quỹ	-	(844.095)	-	-	-	(844.095)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	155.974	(155.974)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban Điều hành	-	-	-	-	(50.894)	(50.894)
Chi trả cổ tức năm 2013	-	-	-	-	(13.759.701)	(13.759.701)
Phải trả cổ tức cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-	(60.410)	(60.410)
Số dư tại ngày 01/01/2015	64.159.932	(844.095)	60.309	496.882	24.779.114	88.652.142
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	19.498.439	19.498.439
Trích quỹ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ (*)	-	-	-	196.603	(196.603)	-
Trích lập quỹ KTPL, quỹ khen thưởng Ban Điều hành	-	-	-	-	(50.919)	(50.919)
Chi trả cổ tức năm 2014 (*)	-	-	-	-	(13.419.209)	(13.419.209)
Nộp thêm thuế thu nhập doanh nghiệp theo kết quả thanh tra thuế	-	-	-	-	(20.610)	(20.610)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014	-	-	-	-	(177.229)	(177.229)
Số dư tại ngày 31/12/2015	64.159.932	(844.095)	60.309	693.485	30.412.983	94.482.614

CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ MÁY BAY VIỆT NAMTầng 14, Tháp A Vincom, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(*) Công ty đã chia cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 22% mệnh giá và trích lập các quỹ theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 02/NQ-VALC-DHDCD ngày 24 tháng 4 năm 2015.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện của Công ty là 2.181.978 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 120.617 USD). Khoản tiền này không được sử dụng để chia lãi cho các cổ đông.

Cổ phiếu	31/12/2015		31/12/2014	
	Số lượng	Giá trị USD	Số lượng	Giá trị USD
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	133.632.307	64.159.932	133.632.307	64.159.932
+) Cổ phiếu phổ thông	131.874.226	63.315.837	131.874.226	63.315.837
+) Cổ phiếu ưu đãi	1.758.081	844.095	1.758.081	844.095
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.758.081	844.095	1.758.081	844.095
+) Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
+) Cổ phiếu ưu đãi (*)	1.758.081	844.095	1.758.081	844.095
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	131.874.226	63.315.837	131.874.226	63.315.837
+) Cổ phiếu phổ thông	131.874.226	63.315.837	131.874.226	63.315.837
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

(*) Cổ phiếu quỹ bao gồm cổ phiếu ưu đãi của Công ty được ưu đãi trả cổ tức trước cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông với tỷ lệ chi trả cổ tức cố định ở mức 15% mệnh giá mỗi năm. Công ty đã mua lại toàn bộ số cổ phiếu ưu đãi phát hành theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 02 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 1.336.323.070.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.336.323.070.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã góp như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số cổ phiếu nắm giữ	%	Số cổ phiếu nắm giữ	%
Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam	42.835.200	32,05	42.835.200	32,05
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	36.401.287	27,24	36.401.287	27,24
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam tạm ứng góp vốn	6.080.000	4,55	6.080.000	4,55
Các cổ đông khác	46.557.739	34,84	46.557.739	34,84
Cổ phiếu quỹ	1.758.081	1,32	1.758.081	1,32
Tổng cộng	133.632.307	100	133.632.307	100

CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ MÁY BAY VIỆT NAMTầng 14, Tháp A Vincom, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	USD	USD
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê hoạt động		
Cho thuê máy bay ATR	12.186.894	12.186.894
Cho thuê máy bay Airbus	64.355.556	64.553.809
Cho thuê trực thăng EC130-T2	45.494	1.358
Cho thuê trực thăng EC155-B1	-	42.913
Cho thuê thiết bị bay mô phỏng	30.179	-
	<u>76.618.123</u>	<u>76.784.974</u>
Giá vốn cung cấp dịch vụ		
Chi phí khấu hao	39.504.624	39.478.810
Chi phí lãi vay	12.786.412	13.428.754
Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ	732.494	716.449
	<u>53.023.530</u>	<u>53.624.013</u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	USD	USD
Chi phí nhân công	546.868	567.402
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.527.816	39.508.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	863.447	824.519
Chi phí khác bằng tiền	13.192.576	13.882.929
	<u>54.130.707</u>	<u>54.783.216</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	USD	USD
Lãi tiền gửi	3.152.530	3.306.724
Lãi đầu tư trái phiếu	2.743	2.840
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.202	23.988
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.181.978	1.270.417
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	423.865	138.791
	<u>5.784.318</u>	<u>4.742.760</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	USD	USD
Lãi tiền vay	1.531.844	668.507
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	(128.419)	(81.452)
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.149.801
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.832.838	53.831
	3.236.263	1.790.687

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	USD	USD
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.036.793	25.363.829
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
- Chi thù lao Hội đồng Quản trị	32.208	20.238
- Lãi chênh lệch tỷ giá liên quan đến chi trả cổ tức năm 2013	-	1.567
- Các khoản chi khác không được khấu trừ	49.092	14.982
- Chi phí ăn ca vượt định mức	4.577	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện tăng trong năm	928.784	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện tăng trong năm	-	(84.931)
- Thu nhập từ cổ tức	(23.202)	(23.988)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	26.028.252	25.291.697
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	5.726.216	5.564.173
	2015	2014
	USD	USD
Thu nhập/(Chi phí) thuế TNDN hoãn lại		
Thu nhập/(Chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	187.862	(18.685)
Tổng thu nhập/chi phí thuế TNDN hoãn lại	187.862	(18.685)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế.

01/12/2015
 CÔNG
 NHẬN
 ELOI
 VIỆT NAM
 FDA-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ MÁY BAY VIỆT NAMTầng 14, Tháp A Vincom, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	USD	USD
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.498.439	19.780.971
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	(50.919)	(50.894)
- Điều chỉnh giảm đối với cổ tức cổ phiếu ưu đãi	-	(60.410)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.447.520	19.669.667
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	131.874.226	132.753.267
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	0,15	0,15

Cho mục đích so sánh, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính 2014 được tính toán lại theo hướng dẫn tại Thông tư 200 như sau:

	<u>2014</u>	<u>2014</u>
	Trước điều chỉnh USD	Sau điều chỉnh USD
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.780.971	19.780.971
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	(50.894)
- Điều chỉnh giảm đối với cổ tức cổ phiếu ưu đãi	(60.410)	(60.410)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.720.561	19.669.667
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	132.753.267	132.753.267
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	0,15	0,15

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	USD	USD
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	75.748	79.876

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
Trong vòng một năm	75.748	79.876
Từ năm thứ hai đến năm thứ 5	227.244	-
	<u>302.992</u>	<u>79.876</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng tại Tầng 14, Tháp A Vincom, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 03 năm tính từ năm 2013. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã ký hợp đồng về việc gia hạn hợp đồng thêm 03 năm với giá tiền và diện tích thuê không đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ MÁY BAY VIỆT NAMTầng 14, Tháp A Vincom, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	525.589.398	582.787.654
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.270.459	3.785.293
Nợ thuần	523.318.939	579.002.361
Vốn chủ sở hữu	94.482.614	88.652.142
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>5,54</u>	<u>6,53</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.270.459	3.785.293
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52.704.166	45.398.239
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.154.180	1.120.190
Đầu tư dài hạn khác	1.688.198	192.049
Tổng cộng	<u>57.817.003</u>	<u>50.495.771</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản nợ thuê tài chính	474.292.249	526.003.666
Các khoản vay	51.297.149	56.783.988
Phải trả người bán và phải trả khác	77.413.242	58.798.988
Chi phí phải trả	1.579.364	1.689.566
Tổng cộng	<u>604.582.004</u>	<u>643.276.208</u>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ MÁY BAY VIỆT NAM

Tầng 14, Tháp A Vincom, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành,
 Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ	Tài sản
	31/12/2015	31/12/2015
	USD	USD
Đồng Việt Nam (VND)	77.654.562	54.620.948
Euro (EUR)	21.691	3

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Việt Nam.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Đô la Mỹ tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đô la Mỹ tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	31/12/2015
	USD
Đồng Việt Nam (VND)	(1.151.681)
Euro (EUR)	(1.084)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất thả nổi đã được ký kết. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp và tham gia một số hợp đồng hoán đổi nhằm phòng vệ, hạn chế rủi ro lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ MÁY BAY VIỆT NAM

Tầng 14, Tháp A Vincom, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành,
 Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 25 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 991.465 USD.

31/12/2015**USD**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

+/- 25

991.465

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Danh mục cổ phiếu Công ty nắm giữ là không đáng kể nên rủi ro do sự thay đổi giá của cổ phiếu là không trọng yếu.

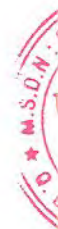
Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ MÁY BAY VIỆT NAMTầng 14, Tháp A Vincom, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
	USD	USD	USD	USD
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.270.459	-	-	2.270.459
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52.704.166	-	-	52.704.166
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.154.180	-	-	1.154.180
Đầu tư dài hạn khác	-	-	1.688.198	1.688.198
Tổng cộng	56.128.805	-	1.688.198	57.817.003
Công nợ tài chính				
Các khoản nợ thuê tài chính	52.823.577	221.162.351	200.306.321	474.292.249
Các khoản vay	5.873.222	23.236.632	22.187.295	51.297.149
Phải trả người bán và phải trả khác	77.413.242	-	-	77.413.242
Chi phí phải trả	1.579.364	-	-	1.579.364
Tổng cộng	137.689.405	244.398.983	222.493.616	604.582.004

Mặc dù tổng tài sản tài chính nhỏ hơn công nợ tài chính nhưng Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp vì bản chất hoạt động cho thuê hoạt động máy bay mang lại dòng tiền ổn định qua các kỳ. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*Danh sách các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm:*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam	Cổ đồng sáng lập
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Cổ đồng sáng lập

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	USD	USD
Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam		
Doanh thu từ hoạt động cho thuê máy bay	76.542.450	76.740.703
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
Thu nhập lãi tiền gửi	1.687.871	1.067.226
Thu nhập lãi trái phiếu BIDV	2.743	2.840
Chi phí lãi tiền vay	2.786.606	2.596.250
Chi phí tài chính liên quan đến hợp đồng hoán đổi lãi suất	1.531.844	668.507



Số liệu dùng để so sánh trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu so sánh (số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) trên Bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

250
IG
EM
017
T N
+ T

CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ MÁY BAY VIỆT NAM
Tầng 14, Tháp A Vincom, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Đơn vị: USD

Tên chỉ tiêu	Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC		Theo TT 200/2014/TT-BTC		Thay đổi
	Mã số	31/12/2014	Mã số	31/12/2014	
I. Tài sản					
1. Đầu tư ngắn hạn	121	588.107	121	588.107	Đổi tên
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(251.992)	122	(251.992)	Đổi tên
Không có chỉ tiêu tương ứng			123	-	Đổi tên
3. Phải thu khách hàng	131	243	131	243	Đổi tên
4. Các khoản phải thu khác	135	1.123.510	136	1.135.791	Đổi tên và phân loại lại
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	12.281	155	-	Phân loại lại
6. Đầu tư dài hạn khác	258	192.049	253	192.049	Đổi tên
II. Nguồn vốn					
1. Phải trả người bán	312	-	311	-	Đổi tên
2. Chi phí phải trả	316	1.689.566	315	1.689.566	Đổi tên
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	3.621.467	318	3.621.467	Đổi tên
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	58.798.988	336	-	Đổi tên
5. Vay và nợ dài hạn	334	525.270.237	319	58.798.988	Đổi tên
6. Vốn điều lệ	411	64.159.932	338	525.270.237	Đổi tên
7. Quỹ dự phòng tài chính	417	496.882	411	64.159.932	Đổi tên
			418	496.882	Phân loại lại
III. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
1. Doanh thu hoạt động tài chính	22	4.824.212	22	4.742.760	Phân loại lại
2. Chi phí tài chính	23	(1.872.139)	23	(1.790.687)	Phân loại lại

CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ MÁY BAY VIỆT NAM

Tầng 14, Tháp A Vincom, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

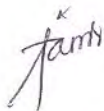
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty yêu cầu phải trình bày trong báo cáo tài chính.




Trần Thị Minh Tâm
Người lập biểu

Ngày 25 tháng 02 năm 2016



Phạm Thị Hương Giang
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc